TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/HSPT
Ngày 05-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hồng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Sỹ; Bà Đinh Thị Như Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Trà My - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai: Bà Đinh Ê Ban Mỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 107/2023/TLPT - HS ngày 27 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Văn D do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 52/2023/HS - ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai.

- *Bị cáo bị kháng nghị:* **NGUYỄN VĂN DŨNG;** Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 29/8/1995, tại K, Ninh Bình; Nơi thường trú: xóm A, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi ở hiện tại: Tổ D, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Tiền án, tiền sự: Không; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Lã Thị H; ; Bị cáo có vợ là Đinh Thị N, có 03 con lớn nhất sinh năm 2020, nhỏ nhất sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt khẩn cấp ngày 29/12/2022 và bị tạm giữ sau đó chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã A đến ngày 23/3/2023, thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp "Bảo lĩnh". Hiện bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2020, Nguyễn Văn D đi từ tỉnh Ninh Bình đến thị xã A, Gia Lai sinh sống và thực hiện hành vi cho vay tiền với lãi suất cao nhằm thu lợi bất chính. Để thực hiện hành vi cho vay, D đi đến nhiều chợ trên địa bàn thị xã A tìm gặp nhiều người, nói cho họ biết bản thân có cho vay tiền trả góp đồng thời đưa số điện thoại 0961.367.056 của D cho người vay để liên lạc. Khi có người gọi hỏi vay tiền thì D hẹn gặp và tới nhà của người vay yêu cầu họ cho xem giấy tờ tùy thân như chứng minh nhân dân, căn cước, hộ khẩu, bằng lái xe… Có một số người vay D thỏa thuận giữ giấy tờ tùy thân của họ. D và người vay thỏa thuận khi vay một khoản tiền cố định sẽ cộng với lãi chia đều theo số ngày vay, mỗi ngày đóng cả gốc và lãi. Sau khi cho vay, D viết tên người vay, số tiền vay, số tiền trả hàng ngày vào tờ giấy A4 để theo dõi đã được in sẵn các cột và ô có đánh số thứ tự từ 01 đến 31 theo hàng ngang *(các ngày trong tháng)* và số thứ tự từ 01 đến 28 theo cột dọc *(ghi tên người vay và ngày vay).* Khi người vay trả tiền, D đánh dấu X vào các ô để theo dõi số tiền vay đã trả. Số tiền D cho vay mỗi lần từ 2.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng. Người vay trả gốc và lãi hàng ngày trong thời gian từ 25 đến 31 ngày *(tùy khoản vay, sự thỏa thuận*, cụ thể: Vay 2.000.000 đồng thì người vay mỗi ngày trả cho D 100.000 đồng, trong 25 ngày; vay 3.000.000 đồng thì người vay mỗi ngày trả cho D 150.000 đồng trong 25 hoặc 26 ngày; vay 4.000.000 đồng thì mỗi ngày người vay trả cho D 200.000 đồng, trong 25 ngày; vay 5.000.000 đồng thì mỗi ngày người vay phải trả 250.000 đồng, trong 26 ngày, nếu mỗi ngày trả 200.000đồng thì thời gian trả là 30 hoặc 31 ngày.... Khi chưa hết thời gian thỏa thuận về việc trả tiền vay, nếu người vay muốn đáo hạn khoản vay hoặc thay đổi số tiền vay D sẽ trừ đi số tiền còn nợ của khoản vay cũ và tính bắt đầu khoản vay mới. Hoặc người vay có thể đồng thời vay các khoản khác nhau. Trong thời gian từ tháng 7/2021 đến ngày 28/12/2022, Nguyễn Văn D thực hiện hành vi cho người dân trên địa bàn thị xã A, huyện Đ, K và Mang Y vay thu lợi bất chính cụ thể như sau:

1. Thái Thị V *(Sinh năm 1975, trú* tổ D, phường A, thị xã A*).* Chị V vay D 03 khoản, số tiền 5.000.000đ/ 1 khoản vay, lãi suất thỏa thuận 24%/tháng (tương đương 288%/năm), trả gốc và lãi 200.000 đồng/ngày trong 31 ngày. Cụ thể: Ngày 20/7/2022, chị V vay D số tiền 5.000.000 đồng, Chị V đã trả đầy đủ cho D theo thỏa thuận. Ngày 21/8/2022, vay số tiền 5.000.000 đồng, đến ngày 02/9/2022 đáo hạn, trả được 15 ngày (3.000.000đ). Chị V còn nợ cả gốc lẫn lãi theo thỏa thuận là 3.200.000 đồng. Ngày 05/9/2022, chị V vay số tiền 5.000.000 đồng, trả được 10 ngày (2.000.000đ). Chị V còn nợ cả gốc lẫn lãi theo thỏa thuận 4.200.000 đồng. Tổng số tiền của 03 khoản vay và đáo hạn là 20.000.000đ, chị V đã trả cho D 17.400.000đ, gồm gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống là 242.150đ, tiền lãi trên 20%/năm là 3.125.592đ, tiền gốc là 14.032.258đ. Chị V còn nợ gốc 5.967.742đ.

2. Lê Thị Mỹ L *(Sinh năm 1980, trú* thôn D, xã T, thị xã A*).* Ngày 17/9/2022, chị L vay của D số tiền 15.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 24%/tháng (tương đương

288%/năm), trả gốc và lãi 600.000 đồng/ngày trong 31 ngày. Chị L đáo hạn 03 lần vào ngày 07/10/2022, 22/10/2022 và ngày 06/11/2022 và đã trả đầy đủ cho D. Như vậy, tổng số tiền chị L đã vay và đáo hạn là 60.000.000đ. Chị L đã trả cho D 74.400.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống là 1.035.400đ, tiền lãi trên 20%/năm là 13.364.600đ, tiền gốc 60.000.000đ.

3. Nguyễn Thị H1 *(Sinh năm 1961, trú* thôn A, xã C, Đ, Gia Lai*).*

Ngày 22/6/2022, chị H1 vay số tiền 3.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 30%/tháng (tương ứng 360%/năm), trả gốc và lãi 150.000 đồng/ngày trong 25 ngày. Chị H1 đáo hạn khoản vay vào ngày 07/7/2022 và trả đã đầy đủ cho D theo thỏa thuận. Tổng tiền vay và đáo hạn 6.000.000đ, chị H1 đã trả 7.500.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống là 83.500đ, tiền lãi trên 20%/năm là 1.416.500đ, tiền gốc 6.000.000đ.

Ngày 30/6/2022, chị H1 vay số tiền 3.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 30%/tháng (tương ứng 360%/năm), trả gốc và lãi 150.000 đồng/ngày trong 25 ngày. Đến ngày 14/7/2022 đáo hạn khoản vay này và đã trả xong. Tổng tiền vay và đáo hạn 6.000.000đ, chị H1 đã trả 7.500.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống là 83.500đ, tiền lãi trên 20%/năm là 1.416.500đ, tiền gốc 6.000.000đ.

Ngày 20/9/2022, chị H1 vay số tiền 12.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 25%/tháng (tương ứng 300%/năm), trả gốc và lãi 500.000 đồng/ngày trong 30 ngày, chị H1 đã trả được 11 ngày. Đến ngày 19/11/2022, chị H1 thỏa thuận giảm khoản vay xuống 8.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 30%/tháng (tương ứng 300%/năm), trả gốc và lãi 400.000 đồng/ngày, trong 25 ngày. Khoản vay này, chị H1 đã trả cho D 15 ngày theo thỏa thuận (6.000.000đ). Số tiền gốc và lãi còn nợ theo thỏa thuận là 4.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền chị H1 đã vay và đáo hạn là 24.000.000đ, chị H1 đã trả cho D 26.500.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống là 507.680đ, tiền lãi trên 20%/năm là 4.792.320đ, tiền gốc 21.200.000đ. Chị H1 còn nợ gốc 2.800.000đ.

4. Nguyễn Thanh T1 *(Sinh năm 1990, trú* thôn A, xã C, thị xã A*).* Ngày 26/9/2022, anh T1 vay số tiền 7.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 25%/tháng (tương ứng 300%/năm), trả gốc và lãi trả trả 300.000 đồng/ngày trong 29 ngày. Anh T1 đáo hạn khoản vay 02 lần vào ngày 16/10/2022 và 18/11/2022. Lần đáo hạn thứ 2, anh T1 trả được 02 ngày. Số tiền còn nợ gốc và lãi theo thỏa thuận là 8.100.000 đồng. Tổng số tiền anh T1 vay của D là 21.000.000đ, anh T1 đã trả 18.000.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 233.800đ, tiền lãi trên 20%/năm 3.282.867đ, tiền gốc 14.483.333đ. Anh T1 còn nợ gốc 6.516.667đ.

5. Văn Châu P *(Sinh năm 1973, trú* làng K, xã K, K, Gia Lai*).* Ngày 23/7/2022, chị P vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 24%/tháng (tương ứng 288%/năm), trả gốc và lãi 200.000 đồng/ngày trong 31 ngày. Ngày 29/7/2022, chị P đáo hạn, nâng khoản lên 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 24%/tháng (tương ứng 288%/năm), trả gốc và lãi 400.000 đồng/ngày, trong 31 ngày. Chị P

đáo hạn 01 lần khoản vay 10.000.000đ vào ngày 09/8/2022. Đến ngày 20/8/2022, chị P thỏa thuận nâng khoản vay lên 12.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 25%/tháng (tương ứng 300%/năm), trả gốc và lãi 500.000 đồng/ngày, trong 30 ngày. Chị P đáo hạn 12 lần khoản vay 12.000.000đ vào các ngày 29/8/2022, 08/9/2022, 18/9/2022, 27/9/2022, 06/10/2022, 15/10/2022, 23/10/2022, 31/10/2022, 15/11/2022, 25/11/2022, 05/12/2022, 18/12/2022. Lần đáo hạn cuối trả được 10 ngày. Chị P còn nợ gốc và lãi theo thỏa thuận là 10.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền chị P vay và đáo hạn 181.000.000đ, chị P đã trả cho D 216.000.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 2.903.017đ, tiền lãi trên 20%/năm 40.096.983đ, tiền gốc 173.000.000đ, chị P còn nợ gốc 8.000.000đ.

6. Trà Thị T2 *(Sinh năm 1980, trú* tổ B, phường T, thị xã A*).* Ngày 20/6/2022, chị T2 vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 35%/tháng (tương ứng 420%/năm), trả gốc và lãi 250.000 đồng/ngày, trong 26 ngày. Chị T2 đã trả đầy đủ theo thỏa thuận số tiền 6.500.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 72.367đ, tiền lãi trên 20%/năm 1.427.633đ, tiền gốc 5.000.000đ

Ngày 03/7/2022, chị T2 tiếp tục vay 7.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 25%/tháng (tương ứng 300%/năm), trả gốc và lãi 300.000 đồng/ngày, trong 29 ngày. Chị T2 08 lần đáo hạn khoản vay này vào các ngày 19/7/2022, 05/8/2022, 22/8/2022, 16/9/2022, 18/9/2022, 01/10/2022, 18/10/2022, 04/11/2022. Lần đáo hạn cuối trả được 03 ngày. Chị T2 còn nợ gốc và lãi theo thỏa thuận 7.800.000 đồng. Tổng số tiền chị T2 vay và đáo hạn là 63.000.000đ, chị T2 đã trả 70.500.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 915.716đ, tiền lãi trên 20%/năm 12.860.146đ, tiền gốc 56.724.138đ. Chị T2 còn nợ gốc 6.275.862đ.

Như vậy, tổng số tiền chị T2 đã vay và đáo hạn của D là 68.000.000đ, chị T2 đã trả cho D 77.000.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 988.083đ, tiền lãi trên 20%/năm 14.287.779đ, tiền gốc 61.724.138đ. Chị T2 còn nợ gốc 6.275.862đ.

7. Cao Thị H2 *(Sinh năm 1961, trú* tổ G, phường A, thị xã A*).* Ngày 30/6/2022, chị H2 vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 24%/tháng (tương ứng 288%/năm), trả gốc và lãi 200.000 đồng/ngày trong 31 ngày. Chị H2 đã trả đầy đủ cho D 6.200.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 86.283đ, tiền lãi trên 20%/năm 1.113.717đ, tiền gốc 5.000.000đ.

Ngày 10/7/2022, chị H2 vay số tiền 7.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 25%/tháng (tương ứng 300%/năm), trả gốc và lãi 300.000 đồng/ngày, trong 29 ngày. Chị H2 04 lần đáo hạn khoản vay vào các ngày 23/7/2022, 05/8/2022, 27/8/2022, 07/9/2022 và đã trả đầy đủ cho D theo thỏa thuận. Tổng số tiền vay và đáo hạn 35.000.000đ, chị H2 đã trả cho D 43.500.000đ gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 565.015đ, tiền lãi trên 20%/năm 7.934.985đ, tiền gốc 35.000.000đ.

Ngày 25/9/2022, chị H2 vay số tiền 3.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 35%/tháng (tương ứng 420%/năm), trả gốc và lãi 150.000 đồng/ngày trong 26 ngày. Chị H2 03 lần đáo hạn vào các ngày 10/10/2022, 22/10/202, 04/11/2022, chị

H2 đã trả đầy đủ theo thỏa thuận. Như vậy, tổng số tiền vay và đáo hạn 12.000.000đ, chị H2 đã trả 15.600.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 173.680đ, tiền lãi trên 20%/năm 3.426.320đ, tiền gốc 12.000.000đ.

Ngày 17/11/2022, chị H2 vay số tiền 4.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 30%/tháng (tương ứng 360%/năm), trả gốc và lãi 200.000 đồng/ngày trong 25 ngày. Chị H2 02 lần đáo hạn vào ngày 01/12/2022 và ngày 15/12/2022, lần đáo hạn 2 chị H2 trả được 11 ngày. Chị H2 còn nợ gốc và lãi theo thỏa thuận 2.800.000 đồng. Tổng số tiền vay và đáo hạn là 12.000.000đ, chị H2 đã trả 12.200.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 135.827đ, tiền lãi trên 20%/năm 2.304.173đ, tiền gốc 9.760.000đ. Chị H2 còn nợ gốc 2.240.000đ

Tổng số tiền chị H2 đã vay và đáo hạn cả 4 khoản là 64.000.000 đồng, chị H2 đã trả 77.500.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 960.807đ, tiền lãi trên 20%/năm 14.779.194đ, tiền gốc 61.760.000đ, chị H2 còn nợ gốc 2.240.000đ.

8. Lê Thị Hoàn H3 *(Sinh năm 1998, trú* thôn T, xã T, huyện Đ*)*. Ngày 25/6/2022, chị H3 vay số tiền 6.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 30%/tháng (tương ứng 360%/năm), trả gốc và lãi 300.000 đồng/ngày trong 25 ngày. Đến ngày 17/7/2022, chị H3 đáo hạn khoản vay, sau đó đã trả đầy đủ cho D theo thỏa thuận. Tổng số tiền vay và đáo hạn của khoản vay này là 12.000.000đ, chị H3 đã trả cho D 15.000.000đ, bao gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 167.000đ, tiền lãi trên 20%/năm 2.833.000đ, tiền gốc 12.000.000đ.

Ngày 10/8/2022, chị H3 vay số tiền 6.000.000 đồng với hình thức tương tự lần vay thứ nhất. Đến ngày 02/9/2022, chị H3 đáo hạn khoản vay, sau đó đã trả đầy đủ cho D. Tổng số tiền vay và đáo hạn của khoản vay này là 12.000.000đ. Chị H3 đã trả cho D 15.000.000đ, bao gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 167.000đ, tiền lãi trên 20%/năm 2.833.000đ, tiền gốc 12.000.000đ.

Ngày 29/9/2022, chị H3 vay số tiền 3.000.00 đồng, lãi suất thỏa thuận 30%/tháng (tương ứng 360%/năm), trả gốc và lãi 150.000 đồng/ngày, trong thời gian 25 ngày. Chị H3 đã trả cho D số tiền 3.750.000đ, bao gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 41.750đ, tiền lãi trên 20%/năm 708.250đ, tiền gốc 3.000.000đ.

Ngày 07/10/2022, chị H3 vay số tiền 4.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 30%/tháng (tương ứng 360%/năm), trả gốc và lãi 200.000 đồng/ngày trong 25 ngày. Chị H3 đã trả đầy đủ cho D số tiền 5.000.000đ, bao gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 55.667đ, tiền lãi trên 20%/năm 944.333đ, tiền gốc 4.000.000đ.

Ngày 18/11/2022, chị H3 vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 30%/tháng (tương ứng 360%/năm), trả gốc và lãi 250.000 đồng/ngày trong 25 ngày. Chị H3 đã trả đầy đủ cho D số tiền 6.250.000đ, bao gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 69.583đ, tiền lãi trên 20%/năm 1.180.417đ, tiền gốc 5.000.000đ.

Ngày 05/12/2022, chị H3 tiếp tục vay số tiền 3.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 30%/tháng (tương ứng 360%/năm), trả gốc và lãi 150.000 đồng/ngày trong 25 ngày, chị H3 đã trả được 11 ngày, còn nợ gốc và lãi theo thỏa thuận là

2.100.000 đồng. Chị H3 đã trả cho D số tiền 1.650.000đ, bao gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 18.370đ, tiền lãi trên 20%/năm 311.630đ, tiền gốc 1.320.000đ. Chị H3 còn nợ gốc 1.680.000đ

Như vậy, tổng số tiền chị H3 vay là đáo hạn của 6 khoản vay nói trên là 39.000.000đ, chị H3 đã trả 46.650.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 519.370đ, tiền lãi trên 20%/năm 8.810.630đ, tiền gốc 37.320.000đ, chị H3 còn nợ gốc 1.680.000đ.

9. Võ Thị P1 *(tên thường gọi là* N*, sinh năm 1958, trú* tổ F, phường A, thị xã A*)*. Ngày 26/6/2022, chị P1 vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 24%/tháng (tương ứng 288%/năm), trả gốc và lãi 200.000 đồng/ngày trong 31 ngày. Đến ngày 25/7/2022 chị P1 đáo hạn khoản vay này. Ngày 18/8/2022, chị P1 thỏa thuận với D nâng khoản vay lên 10.000.000 đồng, lãi suất 24%/tháng (tương ứng 288%/năm), trả gốc và lãi 400.000 đồng/ngày trong 31 ngày. Chị P1 03 lần đáo hạn khoản vay này vào ngày 22/9/2022, 20/10/2022, 19/11/2022. Đến ngày 15/12/2022, chị P1 tiếp tục thỏa thuận nâng khoản vay lên 15.000.000 đồng, lãi suất 24%/tháng (tương ứng 288%/năm), trả gốc và lãi 600.000 đồng/ngày trong 31 ngày, chị P1 trả được 12 ngày, còn nợ D gốc và lãi theo thỏa thuận là 11.400.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền chị P1 vay và đáo hạn là 65.000.000đ, chị P1 đã trả cho D 69.200.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 963.033đ, tiền lãi trên 20%/năm 12.430.515đ, tiền gốc 55.806.452đ, chị P1 còn nợ gốc 9.193.548đ.

10. Trang Thị Mỹ L1 *(Sinh năm 1978, trú* tổ F, phường A, thị xã A*)*. Ngày 10/11/2022, chị L1 vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 30%/tháng (tương ứng 360%/năm), trả gốc và lãi 250.000 đồng/ngày trong 25 ngày. Ngày 21/11/2022, chị L1 đáo hạn khoản vay, sau đó đã trả đầy đủ cho D. Tổng số tiền vay và đáo hạn là 10.000.000đ, chị L1 đã trả 12.500.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 139.166đ, tiền lãi trên 20%/năm 2.360.834đ, tiền gốc 10.000.000đ.

Ngày 25/12/2022, chị L1 vay số tiền 4.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 30%/tháng (tương ứng 360%/năm), trả gốc và lãi 200.000 đồng/ngày trong 25 ngày, chị L1 trả được 02 ngày, còn nợ D gốc và lãi theo thỏa thuận là 4.600.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền chị L1 vay và đáo hạn là 14.000.000đ, chị L1 đã trả 12.900.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 143.620đ, tiền lãi trên 20%/năm 2.436.380đ, tiền gốc 10.320.000đ. Chị L1 còn nợ gốc 3.680.000đ

11. Nguyễn Thị Tuyết B *(Sinh năm 1979, trú* tổ C, phường A, thị xã A*)*. Chị B vay D 07 khoản với lãi suất thỏa thuận 24%/tháng (tương ứng 288%/năm). Cụ thể: Ngày 25/6/2022, chị B vay khoản 1 số tiền 25.000.000 đồng, trả gốc và lãi 1.000.000 đồng/ngày trong 31 ngày. Chị B 03 lần đáo hạn vào các ngày 12/7/2022, 24/7/2022, 05/8/2022 và đã trả đầy đủ cho D. Tổng số tiền vay và đáo hạn khoản 1

là 100.000.000đ, chị B đã trả cho D 124.000.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 1.725.668đ, tiền lãi trên 20%/năm 22.274.332đ, tiền gốc 100.000.000đ.

Ngày 24/8/2022, chị B vay khoản 2, số tiền 20.000.000 đồng, trả gốc và lãi 800.000 đồng/ngày trong 31 ngày, đến ngày 03/9/2022 nâng khoản vay lên 25.000.000 đồng, trả gốc và lãi 1.000.000đ/ngày trong 31 ngày, chị B đã trả đầy đủ theo thỏa thuận. Số tiền vay và đáo hạn là 45.000.000đ, chị B đã trả 55.800.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 776.550đ, tiền lãi trên 20%/năm 10.023.450đ, tiền gốc 45.000.000đ.

Đến ngày 24/9/2022, chị B vay khoản 3, số tiền 20.000.000 đồng, trả gốc và lãi 800.000 đồng/ngày trong 31 ngày, chị B đã trả cho D 24.800.000đ, bao gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 345.133đ, tiền lãi trên 20%/năm 4.454.867đ, tiền gốc 20.000.000đ.

Ngày 24/10/2022, chị B vay khoản 4, số tiền 10.000.000 đồng, trả gốc và lãi 400.000 đồng/ngày trong 31 ngày. Chị B đã trả cho D 12.400.000đ, bao gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 172.567đ, tiền lãi trên 20%/năm 2.227.433đ, tiền gốc 10.000.000đ.

Ngày 22/11/2022, chị B vay khoản 5, số tiền 15.000.000 đồng, trả gốc và lãi 600.000 đồng/ngày trong 31 ngày. Chị B đã trả cho D 18.600.000đ, bao gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 258.850đ, tiền lãi trên 20%/năm 3.341.150đ, tiền gốc 15.000.000đ.

Ngày 09/12/2022, chị B vay khoản 6 số tiền 20.000.000 đồng, trả gốc và lãi 800.000đ/ngày trong 31 ngày. Chị B đã trả cho D 24.800.000đ, bao gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 345.133đ, tiền lãi trên 20%/năm 4.454.867đ, tiền gốc 20.000.000đ.

Ngày 26/12/2022, chị B vay khoản 7 số tiền 25.000.000 đồng, trả gốc và lãi 1.000.000đ/ngày trong 31 ngày. Chị B trả được 02 ngày, còn nợ D gốc và lãi theo thỏa thuận là 29.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền chị B đã vay và đáo hạn của 7 khoản trên là 235.000.000đ, chị B đã trả D 262.400.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 3.651.733đ, tiền lãi trên 20%/năm 47.135.363đ, tiền gốc 211.612.903đ. Chị B còn nợ gốc 23.387.097đ.

12. Phan Thị H4 *(Sinh năm 1978, trú* tổ B, phường A, thị xã A*)*. Chị H4 03 lần vay tiền của D với lãi suất thỏa thuận 24%/tháng (tương ứng 288%/năm). Cụ thể: Ngày 13/7/2022, chị H4 vay số tiền 10.000.000 đồng, trả gốc và lãi 400.000 đồng/ngày trong 31 ngày. Chị H4 03 lần đáo hạn vào ngày 26/7/2022, 07/8/2022, 16/8/2022, lần đáo hạn cuối trả được 15 ngày. Ngày 16/7/2022, chị H4 vay số tiền 5.000.000 đồng, trả gốc và lãi 200.000 đồng/ngày trong 31 ngày. Chị H4 02 lần đáo hạn vào ngày 01/8/2022, 15/8/2022, lần đáo hạn cuối trả được 16 ngày. Đến ngày 03/9/2022, chị H4 đáo hạn 02 khoản vay và gộp lại thành khoản vay 15.000.000 đồng, trả 600.000 đồng/ngày, trả 31 ngày, chị hiền đã trả được 07 ngày,

còn nợ D cả gốc và lãi theo thỏa thuận là 14.400.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền vay và đáo hạn là 70.000.000đ, chị H4 đã trả cho D 72.400.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống là 1.007.567đ, tiền lãi trên 20%/năm là 13.005.337đ, tiền gốc 58.387.097đ. Chị H4 còn nợ gốc 11.612.903đ.

13. Dương Kiều M *(Sinh năm 1970, trú* tổ A, phường A, thị xã A*)*. Ngày 23/11/2022, chị M vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 20%/tháng (tương ứng 240%/năm), trả gốc và lãi 200.000 đồng/ngày trong 30 ngày. Chị M đã trả được 04 ngày, còn nợ gốc và lãi theo thỏa thuận là 5.200.000 đồng. Số tiền D cho chị M vay là 5.000.000đ, chị M đã trả cho D 800.000đ gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 11.133đ, tiền lãi trên 20%/năm 122.200đ, tiền gốc 666.667đ. Chị M còn nợ gốc 4.333.333đ.

14. Võ Thị L2 *(Sinh năm 1985, trú* tổ C, phường A, thị xã A*)*. Ngày 03/11/2022, chị L2 vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 24%/tháng (tương ứng 288%/năm), trả gốc và lãi 200.000 đồng/ngày trong 31 ngày. Ngày 23/11/2022 chị L2 đáo hạn khoản vay, sau đó đã trả đầy đủ cho D. Số tiền vay và đáo hạn là 10.000.000đ, chị L2 đã trả 12.400.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 172.566đ, tiền lãi trên 20%/năm 2.227.434đ, tiền gốc 10.000.000đ.

Ngày 12/12/2022, chị L2 vay số tiền 3.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 30%/tháng (tương ứng 360%/năm), trả gốc và lãi 150.000 đồng/ngày trong 25 ngày, đã trả được 15 ngày, còn nợ gốc và lãi theo thỏa thuận 1.500.000 đồng. Như vậy, chị L2 đã trả cho D 2.250.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 25.050đ, tiền lãi trên 20%/năm 424.950đ, tiền gốc 1.800.000đ, chị L2 còn nợ gốc 1.200.000đ

Như vậy, tổng số tiền chị L2 đã vay và đáo hạn là 13.000.000đ, chị L2 đã trả D 14.650.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 197.617đ, tiền lãi trên 20%/năm 2.652.383đ, tiền gốc 11.800.000đ. Chị L2 còn nợ gốc 1.200.000đ.

15. Hồ Thị Mỹ T3 *(Sinh năm 1987, trú* thôn T, xã T, huyện Đ*)*. Ngày 26/6/2022, chị T3 vay số tiền 3.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 35%/tháng (tương ứng 420%/năm), trả gốc và lãi 150.000 đồng/ngày trong 26 ngày. Ngày 21/7/2022, chị T3 đáo hạn khoản vay, sau đó đã trả đầy đủ cho D theo thỏa thuận số tiền 7.800.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 86.840đ, tiền lãi trên 20%/năm 1.713.160đ, tiền gốc 6.000.000đ.

Ngày 14/8/2022, chị T3 vay khoản 2 số tiền 7.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 25%/tháng (tương ứng 300%/năm), trả gốc và lãi 300.000 đồng/ngày trong 29 ngày. Chị T3 đã trả cho D 8.700.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 113.003đ, tiền lãi trên 20%/năm 1.586.997đ, tiền gốc 7.000.000đ.

Ngày 13/9/2022, chị T3 vay khoản 3 số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 30%/tháng (tương ứng 360%/năm), trả gốc và lãi 250.000 đồng/ngày trong 25 ngày. Chị T3 đáo hạn 03 lần vào các ngày 15/10/2022, 31/10/2022, 25/11/2022

và đã trả đầy đủ cho D số tiền 25.000.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 278.332đ, tiền lãi trên 20%/năm 4.721.668đ, tiền gốc 20.000.000đ.

Như vậy, tổng số tiền chị T3 đã vay và đáo hạn của 03 khoản là 33.000.000đ, chị T3 đã trả D 41.500.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 478.177đ, tiền lãi trên 20%/năm 8.021.823đ, tiền gốc 33.000.000đ.

16. Phan Phú T4 *(Sinh năm 1988, trú* thôn H, xã C, huyện Đ*)*. Ngày 22/6/2022, anh T4 vay số tiền 3.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 35%/tháng (tương ứng 420%/năm), trả gốc và lãi 150.000 đồng/ngày trong 26 ngày. Anh T4 đã trả cho D số tiền 3.900.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 43.420đ, tiền lãi trên 20%/năm 856.580đ, tiền gốc 3.000.000đ.

Ngày 30/6/2022, anh T4 vay khoản 2 số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 24%/tháng (tương ứng 288%/năm), trả gốc và lãi 200.000 đồng/ngày trong 31 ngày. Anh T4 đã trả cho D 6.200.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 86.283đ, tiền lãi trên 20%/năm 1.113.717đ, tiền gốc 5.000.000đ.

Ngày 25/11/2022, anh T4 vay khoản 3 số tiền 3.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 35%/tháng (tương ứng 420%/năm), trả gốc và lãi 150.000 đồng/ngày trong 26 ngày. Ngày 18/12/2022, anh T4 đáo hạn lần 01, đã trả được 07 ngày, còn nợ D gốc và lãi theo thỏa thuận 2.850.000 đồng. Tổng số tiền anh T4 đã trả cho D là 4.950.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 55.110đ, tiền lãi trên 20%/năm 1.212.390đ, tiền gốc 3.682.500đ. Anh T4 còn nợ gốc 2.317.500đ

Như vậy, tổng số tiền anh T4 đã vay và đáo hạn của 3 khoản là 14.000.000đ, anh T4 đã trả D 15.050.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 184.813đ, tiền lãi trên 20%/năm 3.182.687đ, tiền gốc 11.682.500đ. Anh T4 còn nợ gốc 2.317.000đ.

17. Tô Thị Bích P2 *(Sinh năm 1984, trú* thôn T, xã T, huyện Đ*)*. Ngày 26/9/2022, chị P2 vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 24%/tháng (tương ứng 288%/năm), trả gốc và lãi 200.000 đồng/ngày trong 31 ngày. Chị P2 đã trả cho D 6.200.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 86.283đ, tiền lãi trên 20%/năm 1.113.717đ, tiền gốc 5.000.000đ.

Ngày 20/10/2022, chị P2 vay khoản 2 số tiền 8.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng (tương ứng 360%/năm), trả gốc và lãi 400.000 đồng/ngày trong 25 ngày. Chị P2 đã trả cho D 10.000.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 111.333đ, tiền lãi trên 20%/năm 1.888.667đ, tiền gốc 8.000.000đ.

Ngày 17/11/2022, chị P2 vay khoản 3 số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng (tương ứng 360%/năm), trả gốc và lãi 250.000 đồng/ngày trong 25 ngày. Ngày 11/12/2022 chị P2 đáo hạn và trả được 16 ngày, còn nợ gốc và lãi theo thỏa thuận 2.250.000 đồng. Tổng số tiền vay là 10.000.000đ, chị P2 đã trả 10.250.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 114.116đ, tiền lãi trên 20%/năm 1.935.884đ, tiền gốc 8.200.000đ. Chị P2 còn nợ gốc 1.800.000đ.

Như vậy, tổng số tiền chị P2 đã vay và đáo hạn của 3 khoản là 23.000.000đ, chị P2 đã trả D 26.450.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 311.733đ, tiền lãi trên 20%/năm 4.938.267đ, tiền gốc 21.200.000đ. Chị P2 còn nợ gốc 1.800.000đ.

18. Lê Thị Tú S *(Sinh năm 1984, trú* tổ B, phường A, thị xã A*)*. Ngày 29/6/2022, chị S vay số tiền 12.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 25%/tháng (tương ứng 300%/năm), trả gốc và lãi 500.000 đồng/ngày trong 30 ngày. Chị S 09 lần đáo hạn khoản vay vào các ngày 16/7/2022, 15/8/2022, 30/8/2022, 19/9/2022, 03/10/2022, 20/10/2022, 04/11/2022, 26/11/2022, 11/12/2022. Lần đáo hạn thứ 9 trả được 3.300.000 đồng (số tiền chị S trả không cố định hàng ngày). Chị S còn nợ D số tiền gốc và lãi theo thỏa thuận là 11.7000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền chị S đã vay và đáo hạn là 120.000.000đ, chị S đã trả cho D 138.300.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 1.872.350đ, tiền lãi trên 20%/năm 25.952.650đ, tiền gốc 110.475.000đ. Chị S còn nợ gốc 9.525.000đ.

19. Huỳnh Thị L3 *(Sinh năm 1995, trú* thôn A, xã C, Đ*)*. Ngày 7/8/2022, chị L3 vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng (tương ứng 360%/năm), trả gốc và lãi 250.000 đồng/ngày trong 25 ngày. Ngày 29/8/2022, chị L3 đáo hạn khoản vay sau đó đã trả đầy đủ cho D số tiền 12.500.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 139.166đ, tiền lãi trên 20%/năm 2.360.834đ, tiền gốc 10.000.000đ.

Ngày 16/9/2022, chị L3 vay khoản 2 số tiền 7.000.000 đồng, lãi suất 25%/tháng (tương ứng 300%/năm), trả gốc và lãi 300.000 đồng/ngày trong 29 ngày. Ngày 09/10/2022, chị L3 đáo hạn khoản vay. Đến ngày 20/10/2022, chị L3 đáo hạn và nâng khoản vay lên 15.000.000 đồng, lãi suất 24%/tháng (tương ứng 288%/năm), trả gốc và lãi 600.000 đồng/ngày trong 31 ngày. Chị L3 02 lần đáo hạn khoản vay 5.000.000đ vào ngày 15/11/2022 và 08/12/2022. Lần đáo hạn thứ 2 trả được 10 ngày. Chị L3 còn nợ D gốc và lãi theo thỏa thuận là 12.600.000 đồng. Tổng số tiền vay là đáo hạn 59.000.000đ, chị L3 đã trả 60.600.000đ gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 827.206đ, tiền lãi trên 20%/năm 10.934.804đ, tiền gốc 48.838.710đ. Chị L3 còn nợ gốc 10.161.290đ.

Ngày 16/11/2022, chị L3 khoản 3 vay số tiền 7.000.000 đồng, lãi suất 25%/tháng (tương ứng 300%/năm), trả gốc và lãi 300.000 đồng/ngày trong 29 ngày. Đến ngày 27/11/2022, chị L3 đáo hạn nâng khoản vay lên 10.000.000 đồng, lãi suất 24%/tháng, trả gốc và lãi 400.000 đồng/ngày trong 31 ngày. Ngày 13/12/2022, chị L3 đáo hạn khoản vay, sau đó trả được 15 ngày. Chị L3 còn nợ gốc và lãi theo thỏa thuận là 6.400.000 đồng. Tổng số tiền chị L3 vay và đáo hạn lần 3 là 27.000.000đ, chị L3 đã trả cho D 27.100.000đ, gồm lãi từ 20%/năm trở xuống 369.070đ, tiền lãi trên 20%/năm 4.892.220đ, tiền gốc 21.838.710đ. Chị L3 còn nợ gốc 5.161.290đ.

Như vậy, tổng số tiền vay và đáo hạn của cả 3 khoản là 96.000.000đ, chị L3 đã trả 100.200.000đ gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 1.335.443đ, tiền lãi trên 20%/năm 18.187.137đ, tiền gốc 80.677.419đ. Chị L3 còn nợ gốc 15.322.581đ.

20. Đoàn Thị Hồng L4 *(Sinh năm 1971, trú* tổ D, phường A, thị xã A*)*. Chị L4 03 lần vay tiền của D với lãi suất thỏa thuận 30%/tháng (tương ứng 360%/năm). Cụ thể:

Ngày 30/11/2022, chị L4 vay số tiền 4.000.000 đồng, trả gốc và lãi 200.000 đồng/ngày trong 25 ngày. Chị L4 đã trả cho D 5.000.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 55.667đ, tiền lãi trên 20%/năm 944.333đ, tiền gốc 4.000.000đ.

Ngày 20/12/2022, chị L4 vay khoản 2 số tiền 2.000.000 đồng, trả gốc và lãi 100.000 đồng/ngày trong 25 ngày, đã trả 07 ngày, còn nợ D gốc và lãi theo thỏa thuận là 1.800.000 đồng. Như vậy, chị L4 đã trả cho D 700.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 7.793đ, tiền lãi trên 20%/năm 132.207đ, tiền gốc 560.000đ. Chị L4 còn nợ gốc 1.440.000đ

Ngày 27/12/2022, chị L4 vay khoản 3 số tiền 4.000.000 đồng, trả gốc và lãi 200.000 đồng/ngày trong 25 ngày, đã trả được 01 ngày, còn nợ D cả gốc và lãi theo thỏa thuận là 4.800.000 đồng. Như vậy, chị L4 đã trả cho D số tiền 200.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 2.227đ, tiền lãi trên 20%/năm 37.773đ, tiền gốc 160.000đ. Chị L4 còn nợ gốc 3.840.000đ

Như vậy, tổng số tiền chị L4 đã vay là 10.000.000đ, chị L4 đã trả D 5.900.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 65.687đ, tiền lãi trên 20%/năm 1.114.313đ, tiền gốc 4.720.000đ. Chị L4 còn nợ gốc 5.280.000đ.

21. Nguyễn Thị Thu H5 *(Sinh năm 1983, trú* thôn P, xã H, huyện M*)*. Chị H5 03 lần vay tiền của D với lãi suất thỏa thuận 30%/tháng (tương ứng 360%/năm). Cụ thể: Ngày 25/6/2022, chị H5 vay số tiền 10.000.000 đồng, trả gốc và lãi 500.000 đồng/ngày trong 25 ngày. Chị H5 04 lần đáo hạn khoản vay vào các ngày 03/7/2022, 21/7/2022, 14/8/2022, 25/8/2022, lần đáo hạn cuối trả được 9 ngày. Ngày 18/8/2022, chị H5 vay khoản mới cũng số tiền 10.000.000 đồng, trả gốc và lãi 500.000đ/ngày trong 25 ngày, trả được 13 ngày. Ngày 01/9/2022, đáo hạn 02 khoản vay trên và gộp lại thành một khoản vay 20.000.000 đồng, trả 1.000.000 đồng/ngày trong 25 ngày, trả được 3 ngày, chị H5 còn nợ D cả gốc lẫn lãi theo thỏa thuận là 22.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền chị H5 vay và đáo hạn là 80.000.000đ, chị H5 đã trả cho D 78.000.000đ, bao gồm gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống là 868.400đ, tiền lãi trên 20%/năm là 14.731.600đ, tiền gốc 62.400.000đ. Chị H4 còn nợ gốc 17.600.000đ.

22. Trần Thị H6 *(Sinh năm 1949, trú* tổ F, phường A, thị xã A*)*. Chị H6 vay D 04 khoản với lãi suất khoản vay 1, 2 là 20%/tháng (tương ứng 240%/năm), khoản 3 là 26%/tháng (tương ứng 312%/năm) và khoản 4 là 30%/tháng (tương ứng 360%/năm). Cụ thể như sau:

Ngày 24/6/2022, chị H6 vay khoản 1 số tiền 5.000.000 đồng, trả gốc và lãi 200.000 đồng/ngày trong 30 ngày. Chị H6 04 lần đáo hạn khoản vay vào các ngày 09/7/2022, 22/7/2022, 05/8/2022, 20/8/2022. Đã trả cho D số tiền 30.000.000đ,

gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 417.500đ, tiền lãi trên 20%/năm 4.582.500đ, tiền gốc 25.000.000đ

Ngày 29/6/2022, chị H6 vay khoản 2 số tiền 10.000.000 đồng, trả gốc và lãi 400.000 đồng/ngày trong 30 ngày. Chị H6 04 lần đáo hạn khoản vay này vào các ngày 16/7/2022, 30/7/2022, 13/8/2022, 24/8/2022. Đến ngày 05/9/2022, chị H6 thỏa thuận nâng khoản vay lên 15.000.000 đồng, trả gốc và lãi 600.000 đồng/ngày trong 30 ngày. Chị H6 04 lần đáo hạn vào các ngày 15/9/2022, 26/9/2022, 13/10/2022, 22/10/2022. Sau đó đã trả đầy đủ cho D theo thỏa thuận số tiền 150.000.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 2.087.500đ, tiền lãi trên 20%/năm 22.912.500đ, tiền gốc 125.000.000đ.

Ngày 10/11/2022, chị H6 vay khoản 3 số tiền 9.000.000 đồng, trả gốc và lãi 400.000 đồng/ngày trong 28 ngày, đã trả cho D số tiền 11.200.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 140.280đ, tiền lãi trên 20%/năm 2.059.720đ, tiền gốc 9.000.000đ.

Ngày 04/12/2022, chị H6 vay khoản 4 số tiền 4.000.000 đồng, trả gốc và lãi 200.000 đồng/ngày trong 25 ngày. Ngày 20/12/2022 chị H6 đáo hạn khoản vay, trả được 6 ngày, còn nợ D gốc và lãi theo thỏa thuận 3.800.000 đồng. Tổng số tiền chị H6 vay và đáo hạn là 8.000.000, chị H6 đã trả cho D 6.200.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 69.027đ, tiền lãi trên 20%/năm 1.170.973đ, tiền gốc 4.960.000đ, chị H6 còn nợ gốc 3.040.000đ

Như vậy, tổng số tiền chị H6 đã vay và đáo hạn là 167.000.000đ, chị H6 đã trả D 197.400.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 2.714.307đ, tiền lãi trên 20%/năm 30.725.693đ, tiền gốc 163.960.000đ. Chị H6 còn nợ gốc 3.040.000đ.

23. Trần Vĩnh P3 *(Sinh năm 1988, trú* tổ E, phường A, thị xã A*)*. Ngày 26/10/2022, anh P3 vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 24%/tháng (tương ứng 288%/năm), trả gốc và lãi 200.000 đồng/ngày trong 31 ngày. Anh P3 đáo hạn 02 lần vào ngày 14/11/2022 và 08/12/2022. Lần đáo hạn thứ 2 đã trả được 21 ngày, còn nợ D cả gốc và lãi 2.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền anh P3 đã vay và đáo hạn là 15.000.000đ, anh P3 đã trả D 16.600.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 231.017đ, tiền lãi trên 20%/năm 2.981.887đ, tiền gốc 13.387097đ. Anh P3 còn nợ gốc 1.612.903đ.

24. Võ Thanh M1 *(Sinh năm 1982, trú* thôn E, xã T, thị xã A*)*. Ngày 26/8/2022, anh M1 vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 24%/tháng (tương ứng 288%/năm), trả gốc và lãi 200.000 đồng/ngày trong 31 ngày. Anh M1 04 lần đáo hạn khoản vay này vào các ngày 18/9/2022, 24/10/2022, 16/11/2022, 13/12/2022. Lần đáo hạn thứ 4, trả được 10 ngày, còn nợ D cả gốc và lãi theo thỏa thuận là 4.200.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền vay và đáo hạn là 25.000.000đ, anh M1 đã trả cho D 26.800.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 372.967đ, tiền lãi trên 20%/năm 4.814.130đ, tiền gốc 21.612.903đ. Anh M1 còn nợ gốc 3.387.097đ.

23. Mang Thị T5 *(Sinh năm 1986, trú* tổ G, phường A, thị xã A*).* Chị T5 03 lần vay tiền của D, lãi suất thỏa thuận 30%/tháng (tương ứng 360%/năm). Cụ thể:

Ngày 18/6/2022, chị T5 vay khoản 1 số tiền 5.000.000 đồng, trả gốc và lãi 250.000 đồng/ngày trong 25 ngày. Chị T5 02 lần đáo hạn vào ngày 25/6/2022 và 8/7/2022. Lần đáo hạn thứ 2, chị T5 đã trả được 01 ngày. Như vậy, chị T5 đã trả D số tiền 12.750.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 141.949đ, tiền lãi trên 20%/năm 22.408.051đ, tiền gốc 10.200.000đ. Chị T5 còn gốc và lãi 6.000.000đ.

Ngày 28/6/2022, chị T5 vay khoản 2 số tiền 5.000.000 đồng, trả gốc và lãi 500.000 đồng/ngày trong 25 ngày, chị T5 đã trả được 09 ngày số tiền 2.250.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 25.050đ, tiền lãi trên 20%/năm 424.950đ, tiền gốc 1.800.000đ. Chị T5 còn nợ gốc và lãi theo thỏa thuận 4.000.000đ.

Ngày 22/6/2022, chị T5 vay khoản 3 số tiền 10.000.000 đồng, trả gốc và lãi 500.000 đồng/ngày trong 25 ngày. Ngày 03/7/2022 đáo hạn khoản vay này và đã trả cho D 3.900.000đ (số tiền trả hàng ngày không cố định). Tổng cộng chị T5 đã trả cho D 16.400.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 236.667đ, tiền lãi trên 20%/năm 3.433.333đ, tiền gốc 12.730.000đ. Chị T5 còn nợ gốc và lãi theo thỏa thuận 8.600.000đ.

Đến ngày 17/7/2022, D gộp các khoản vay T5 còn nợ là 18.600.000 đồng, lúc này chị T5 vào D thỏa thuận trả 200.000 đồng/ngày cho đến khi hết nợ. Chị T5 trả được 19 ngày (3.800.000đ) thì không trả nữa, còn nợ D gốc và lãi theo thỏa thuận 14.800.000 đồng. Như vậy, số tiền chị T5 đã trả 3.800.000đ gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống là 63.333đ, tiền lãi trên 20%/năm 1.076.667đ, tiền gốc 2660.000đ. Chị T5 còn nợ gốc và lãi theo thỏa thuận 12.610.000đ

Như vậy, tổng số tiền chị T5 vay và đáo hạn là 40.000.000đ, chị T5 đã trả cho D 35.200.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 467.000đ, tiền lãi trên 20%/năm 7.343.000đ, tiền gốc 27.390.000đ. Chị T5 còn nợ gốc 12.610.000đ.

26. Huỳnh Thị M2 *(Sinh năm 1993, trú* tổ C, phường A, thị xã A*).* Ngày 18/6/2022, chị M2 vay số tiền 2.000.000 đồng, lãi suất 35%/tháng (tương ứng 420%/năm), trả gốc và lãi 100.000 đồng/ngày trong 26 ngày, chị M2 đã trả cho D số tiền 2.600.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 28.947đ, tiền lãi trên 20%/năm 571.053đ, tiền gốc 2.000.000đ.

27. Phạm Minh T6 *(Sinh năm 1996, trú* thôn T, xã T, huyện Đ*).* Ngày 19/6/2022, anh T6 vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 24%/tháng (tương ứng 288%/năm), trả gốc và lãi 200.000 đồng/ngày trong 31 ngày, anh T6 trả được 07 ngày, còn nợ D gốc và lãi theo thỏa thuận 4.800.000 đồng. Số tiền anh T6 đã trả cho D là 1.400.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 19.483đ, tiền lãi trên 20%/năm 251.484đ, tiền gốc 1.129.032đ. Anh T7 còn nợ gốc 3.870.968đ.

Ngày 22/6/2022, anh T7 vay số tiền 2.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 34%/tháng (tương ứng 408%/năm), trả gốc và lãi 100.000 đồng/ngày trong 26 ngày, anh T7 trả được 04 ngày, còn nợ D gốc và lãi theo thỏa thuận là 2.200.000

đồng. Số tiền anh T7 đã trả cho D là 400.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 4.453đ, tiền lãi trên 20%/năm 87.855đ, tiền gốc 307.692đ. Anh T7 còn nợ gốc 1.692.308đ.

Ngày 24/6/2022, anh T7 tiếp tục vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 24%/tháng (tương ứng 288%/năm), trả gốc và lãi 400.000 đồng/ngày trong vòng 31 ngày, anh T7 đã trả được 02 ngày, còn nợ D gốc và lãi theo thỏa thuận là 11.600.000 đồng. Số tiền anh T7 đã trả cho D 800.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 11.133đ, tiền lãi trên 20%/năm 143.705đ, tiền gốc 645.161đ. Anh T7 còn nợ gốc 9.354.839đ.

Như vậy, tổng số tiền anh T7 đã vay là 17.000.000đ, anh T7 đã trả D 2.600.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 35.070đ, tiền lãi trên 20%/năm 483.044đ, tiền gốc 2.081.866đ. Anh T7 còn nợ gốc 14.918.114đ.

28. Trần T8 *(Sinh năm 1968, trú* tổ A, phường T, thị xã A*)*. Anh T8 03 lần vay tiền của D, cụ thể:

Ngày 21/6/2022, anh T8 vay khoản 1 số tiền 3.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng (tương ứng 360%/năm), trả gốc và lãi 150.000 đồng/ngày trong 25 ngày. Ngày 08/7/2022, anh T8 đáo hạn khoản vay và trả được 16 ngày, còn nợ D gốc và lãi theo thỏa thuận 1.350.000 đồng. Số tiền anh T8 đã trả cho D là 6.150.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 68.470đ, tiền lãi trên 20%/năm 1.161.530đ, tiền gốc 4.920.000đ. Anh T8 còn nợ gốc1.080.000đ

Ngày 28/6/2022, anh T8 vay khoản 2 số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 24%/tháng (tương ứng 288%/năm) trả 400.000 đồng/ngày trong 31 ngày. Ngày 14/7/2022 đáo hạn và đã trả được 12 ngày, còn nợ D cả gốc lẫn lãi theo thỏa thuận 7.600.000 đồng. Số tiền anh T8 đã trả cho D là 17.200.000đ gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 239.367đ, tiền lãi trên 20%/năm 3.089.666đ, tiền gốc 13.870.968đ. Anh T8 còn nợ gốc 6.129.032đ.

Ngày 04/7/2022, anh T8 vay khoản 3 số tiền 3.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng (tương ứng 360%/năm), trả gốc và lãi 150.000 đồng/ngày trong 25 ngày, anh T8 đã trả được 20 ngày, còn nợ D cả gốc lẫn lãi 750.000 đồng. Số tiền anh T8 đã trả cho D 3.000.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 33.400đ, tiền lãi trên 20%/năm 566.600đ, tiền gốc 2.400.000đ. Anh T8 còn nợ gốc 600.000đ.

Như vậy, tổng số tiền anh T8 đã vay và đáo hạn là 29.000.000đ, anh T8 đã trả 26.350.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 341.237đ, tiền lãi trên 20%/năm 4.817.796đ, tiền gốc 21.190.968đ. Anh T8 còn nợ gốc 7.809.032đ

29. Bùi Thị T9 *(Sinh năm 1975, trú* tổ A, phường A, thị xã A*)*. Ngày 27/6/2022, chị T9 vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 24%/tháng (tương ứng 288%/năm), trả gốc và lãi 200.000 đồng/ngày trong 31 ngày. Ngày 15/7/2022, chị T9 thỏa thuận đáo hạn và nâng khoản vay lên số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 24%/tháng, trả gốc và lãi 400.000 đồng/ngày trong 31 ngày. Chị T9 đáo hạn 03 lần khoản vay 10.000.000đ vào ngày 01/8/2022, 17/8/2022, 29/8/2022. Lần đáo hạn

thứ 3 trả được 2 ngày, còn nợ D cả gốc lẫn lãi theo thỏa thuận là 11.600.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền chị T9 vay và đáo hạn là 45.000.000đ, chị T9 đã trả cho D số tiền 44.200.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 615.117đ, tiền lãi trên 20%/năm 7.939.722đ, tiền gốc 35.645.161đ. Chị T9 còn nợ gốc 9.354.839đ.

30. Dương Thị Mỹ G *(Sinh năm 1987, trú* tổ A, phường A, thị xã A*).* Ngày 29/6/2022, chị G vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 24%/tháng (tương ứng 288%/năm), trả gốc và lãi 200.000 đồng/ngày trong 31 ngày. Ngày 18/7/2022, chị G đáo hạn khoản vay, trả được 07 ngày thì không trả nữa, chị G còn nợ D cả gốc lẫn lãi 4.800.000 đồng. Tổng số tiền chị G vay và đáo hạn là 10.000.000đ. Chị G đã trả cho D 7.600.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 105.767đ, tiền lãi trên 20%/năm 1.365.201đ, tiền gốc 6.129.032đ. Chị G còn nợ gốc 3.870.968đ.

31. Nguyễn Thị Thu T10 *(Sinh năm 1988, trú* thôn T, xã T, huyện Đ, Gia Lai*).* Chị T10 03 lần vay tiền của D với lãi suất thỏa thuận 30%/tháng (tương ứng 360%/năm). Cụ thể:

Ngày 02/6/2022, chị T10 vay khoản 1 số tiền 5.000.000 đồng, trả gốc và lãi 250.000 đồng/ngày trong 25 ngày. Chị T10 đã trả cho D 6.250.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 69.583đ, tiền lãi trên 20%/năm 1.180.417đ, tiền gốc 5.000.000đ.

Ngày 06/7/2022, chị T10 vay khoản 2 số tiền 2.000.000 đồng, trả gốc và lãi 100.000 đồng/ngày trong 25 ngày. Ngày 27/7/2022, chị T10 đáo hạn khoản vay và trả được trả được 17 ngày.

Ngày 05/8/2022 , vay khoản 3 số tiền 3.000.000 đồng, trả gốc và lãi 150.000 đồng/ngày trong 25 ngày, trả được 08 ngày.

Ngày 12/8/2022, đáo hạn và gộp hai khoản vay ngày 06/7/2022 và 05/8/2022 thành số tiền vay số tiền 5.000.000 đồng, trả gốc và lãi 250.000 đồng/ngày trong 25 ngày. Ngày 6/9/2022 đáo hạn khoản vay này. Đến ngày 13/9/2022, chị T10 đã trả đầy đủ số tiền cho D.

Như vậy, tổng số tiền chị T10 vay và đáo hạn là 22.000.000đ, chị T10 đã trả cho D 27.500.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 306.167đ, tiền lãi trên 20%/năm 5.193.833đ, tiền gốc 22.000.000đ.

32. Bùi Thị Đ *(Sinh năm 1979, trú* tổ D, phường A, thị xã A*).* Chị Đ 03 lần vay tiền của D với lãi suất thỏa thuận 24%/tháng (tương ứng 288%/năm). Cụ thể:

Ngày 10/7/2022, chị Đ vay số tiền 5.000.000 đồng, trả gốc và lãi 200.000 đồng/ngày trong 31 ngày. Chị Đ đã trả số tiền 6.200.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 86.283đ, tiền lãi trên 20%/năm 1.113.717đ, tiền gốc 5.000.000đ.

Ngày 01/9/2022, chị Đ vay số tiền 5.000.000 trả gốc và lãi 200.000 đồng/ngày trong 31 ngày. Ngày 18/9/2022, chị Đ đáo hạn khoản vay, sau đó đã trả đầy đủ cho D 12.400.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 172.567đ, tiền lãi trên 20%/năm 2.227.433đ, tiền gốc 10.000.000đ.

Ngày 23/10/2022, chị Đ vay số tiền 10.000.000 đồng, trả gốc và lãi 400.000 đồng/ngày trong 31 ngày. Ngày 16/11/2022, chị Đ đáo hạn khoản vay. Chị Đ đã trả được 11 ngày, còn nợ D cả gốc lẫn lãi theo thỏa thuận là 8.000.000 đồng. Số tiền chị Đ đã trả cho D 16.800.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 233.800đ, tiền lãi trên 20%/năm 3.017.813đ, tiền gốc 13.548.387đ. Chị Đ còn nợ gốc 6.451.613đ.

Như vậy, tổng số tiền chị Đ vay và đáo hạn là 35.000.000đ, chị Đ đã trả 35.400.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 492.650đ, tiền lãi trên 20%/năm 6.358.963đ, tiền gốc 28.548.387đ. Chị Đ còn nợ gốc 6.451.613đ.

33. Nguyễn Thị H7 *(Sinh năm 1979, trú* thôn T, xã T, huyện Đ*).* Ngày 11/7/2022, chị H7 vay số tiền 4.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng (tương ứng 360%/năm), trả gốc và lãi 200.000 đồng/ngày trong 25 ngày. Ngày 31/7/2022, chị H7 đáo hạn, sau đó đã trả đầy đủ cho D. Tổng số tiền chị H7 vay và đáo hạn là 8.000.000đ, chị H7 đã trả cho D 10.000.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 111.333đ, tiền lãi trên 20%/năm 1.888.667đ, tiền gốc 8.000.000đ.

34. Nguyễn Thị Hồng H8 *(Sinh năm 1970, trú* tổ B, thị trấn Đ, Đ*).* Ngày 12/7/2022, chị H8 vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 24%/tháng (tương ứng 288%/năm), trả gốc và lãi 200.000 đồng/ngày trong 31 ngày. Ngày 10/8/2022, chị H8 đáo hạn khoản vay và trả được 10 ngày thì không trả nữa, còn nợ D cả gốc lẫn lãi theo thỏa thuận 4.200.000 đồng. Tổng số tiền chị H8 vay và đáo hạn là 10.000.000đ, chị H8 đã trả cho D 8.200.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 114.117đ, tiền lãi trên 20%/năm 1.472.980đ, tiền gốc 6.612.903đ. Chị H8 còn nợ gốc 3.387.097đ.

35. Phan Thị H9 *(Sinh năm 1977, trú* tổ C, phường A, thị xã A*).* Ngày 13/7/2022, chị H9 vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 24%/tháng (tương ứng 288%/năm), trả gốc và lãi 200.000 đồng/ngày trong 31 ngày. Chị H9 trả được 16 ngày thì không trả nữa, còn nợ D cả gốc lẫn lãi 3.000.000 đồng. Như vậy, số tiền chị H9 vay là 5.000.000đ, chị H9 đã trả 3.200.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 44.533đ, tiền lãi trên 20%/năm là 574.822đ, tiền gốc 2.580.645đ. H9 còn nợ gốc 2.419.355đ.

36. Dương Đào N1 *(Sinh năm 1982, trú* tổ A, phường A, thị xã A*).* Ngày 29/7/2022, anh N1 vay số tiền 2.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng (tương ứng 360%/năm), trả gốc và lãi 100.000 đồng/ngày trong 25 ngày. Ngày 25/8/2022, anh N1 đáo hạn khoản vay và sau đó đã trả đầy đủ cho D. Tổng số tiền anh N1 vay và đáo hạn là 4.000.000đ, anh N1 đã trả cho D 5.000.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 55.667đ, tiền lãi trên 20%/năm là 944.333đ, tiền gốc 4.000.000đ.

37. Lê Thị Thu N2 *(Sinh năm 1981, trú* thôn A, xã C, huyện Đ*).* Ngày 28/7/2022, chị N2 vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng (tương ứng 360%/năm), trả gốc và lãi 250.000 đồng/ngày trong 25 ngày, chị N2 đã trả được 14 ngày. Ngày 11/8/2022, chị N2 thỏa thuận với D đáo hạn và nâng khoản vay lên 10.000.000 đồng, lãi suất 24%/tháng (tương ứng 288%/năm), trả gốc và lãi

400.000 đồng/ngày trong 31 ngày. Chị N2 trả được 13 ngày, đến 6/9/2022, đáo hạn và tiếp tục trả được 15 ngày. Đến ngày 22/9/2022, đáo hạn nâng khoản vay lên 15.000.000 đồng, trả gốc và lãi 600.000 đồng/ngày trong 31 ngày. Chị N2 đáo hạn 04 lần khoản vay 15.000.000đ vào các ngày 12/10/2022, 27/10/2022, 25/11/2022, 13/12/2022. Lần đáo hạn cuối đã trả được 10 ngày, còn nợ D cả gốc lẫn lãi theo thỏa thuận 12.600.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền chị N2 vay và đáo hạn của D là 100.000.000đ, chị N2 đã trả cho D số tiền 111.450.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 1.533.617đ, tiền lãi trên 20%/năm là 20.077.674đ, tiền gốc 89.838.710đ. Chị N2 còn nợ gốc 10.161.290đ .

38. Phạm Thị Ú *(sinh năm 1979, trú tại* thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai*)*. Chị Ú 04 lần vay tiền của D với lãi suất thỏa thuận 24%/tháng (tương ứng 288%/năm). Cụ thể: Ngày 05/9/2022, chị Ú vay số tiền 10.000.000 đồng, trả gốc và lãi 400.000 đồng/ngày trong 31 ngày. Chị Ú 03 lần đáo hạn khoản vay vào các ngày 10/10/2022, 27/10/2022, 12/11/2022. Lần đáo hạn cuối trả được 3 ngày, còn nợ D cả gốc và lãi theo thỏa thuận là 11.200.000 đồng. Ngày 11/9/2022, chị Ú vay khoản 2 số tiền 5.000.000 đồng, trả gốc và lãi 200.000 đồng/ngày trong 31 ngày. Chị Ú 02 lần đáo hạn vào ngày 17/10/2022 và 03/11/2022. Lần đáo hạn cuối trả được 12 ngày, còn nợ D cả gốc lẫn lãi theo thỏa thuận 3.800.000 đồng. Ngày 20/10/2022, chị Ú vay khoản 3 số tiền 10.000.000 đồng trả gốc và lãi 400.000 đồng/ngày trong 31 ngày. Ngày 05/10/2022 đáo hạn lần 01, sau đó trả được 10 ngày, còn nợ D cả gốc lẫn lãi theo thỏa thuận 8.400.000 đồng. Ngày 17/9/2022, vay khoản 4 số tiền 10.000.000 đồng, trả gốc và lãi 400.000 đồng/ngày trong 31 ngày. Chị Ú đáo hạn 02 lần vào ngày 25/10/2022 và 10/11/2022, lần đáo hạn cuối trả được 5 ngày, còn nợ D cả gốc và lãi theo thỏa thuận 10.400.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền chị Ú vay và đáo hạn của 04 khoản vay trên là 105.000.000đ, chị Ú đã trả cho D 96.400.000đ, bao gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống là 1.341.567đ, tiền lãi trên 20%/năm là 17.316.498đ, tiền gốc là 77.741.935đ. Chị Ú còn nợ gốc 27.258.065đ.

39. Trần Thị H10 *(Sinh 1976, trú* tổ C, phường A, thị xã A*)*. Ngày 18/10/2022, chị H10 vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 24%/tháng (tương ứng 288%/năm), trả gốc và lãi 200.000 đồng/ngày trong 31 ngày. Chị H10 02 lần đáo hạn khoản vay vào ngày 01/11/2022 và 14/11/2022. Lần đáo hạn thứ 2, chị H10 trả được 3 ngày, còn nợ D cả gốc lẫn lãi theo thỏa thuận 5.600.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền chị H10 vay và đáo hạn là 15.000.000đ, chị H10 đã trả cho D 13.000.000đ gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 180.917đ, tiền lãi trên 20%/năm là 2.335.212đ, tiền gốc 10.483.871đ. Chị H10 còn nợ gốc 4.516.129đ

40. Trịnh Thị C *(Sinh năm 1967, trú* thôn T, T, Đ*)*. Ngày 6/8/2022, chị C vay số tiền 2.000.000 đồng, lãi suất 35%/tháng (tương ứng 420%/năm), trả gốc và lãi 100.000 đồng/ngày trong 26 ngày. Chị C đã trả đầy đủ cho D số tiền 2.600.000đ,

gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 28.947đ, tiền lãi trên 20%/năm là 571.053đ, tiền gốc 2.000.000đ.

41. Nguyễn Tuyết N3 *(Sinh năm 1988, trú* tổ I, phường A, thị xã A*).* Ngày 20/10/2022, vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 30%/tháng (tương ứng 360%/năm), trả gốc và lãi 1.000.000 đồng/ngày trong 25 ngày. Ngày 13/11/2022, chị N3 đáo hạn, sau đó đã trả đầy đủ cho D. Tổng số tiền vay và đáo hạn là 40.000.000đ. Chị N3 đã trả cho D 50.000.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 556.667đ, tiền lãi trên 20%/năm là 9.443.333đ, tiền gốc 40.000.000đ.

42. Lê Thị Hồng H11 *(Sinh năm 1966, trú* tổ A, phường A, thị xã A*).* Ngày 26/9/2022, chị H11 vay số tiền 8.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 30%/tháng (tương ứng 360%/năm), trả gốc và lãi 400.000 đồng/ngày trong 25 ngày. Chị H11 02 lần đáo hạn vào ngày 13/10/2022 và 04/11/2022. Chị H11 đã trả đầy đủ cho D theo thỏa thuận. Như vậy, số tiền chị H11 vay và đáo hạn là 24.000.000đ, chị H11 đã trả cho D 30.000.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 334.000đ, tiền lãi trên 20%/năm là 5.666.000đ, tiền gốc 24.000.000đ.

43. Nguyễn Thị Minh H12 *(Sinh năm 1987, trú* tổ B, phường A, thị xã A*).* Ngày 04/11/2022, chị H12 vay số tiền 4.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 30%/tháng (tương ứng 360%/năm), trả gốc và lãi 200.000 đồng/ngày trong 25 ngày. Chị H12 03 lần đáo hạn khoản vay vào ngày 22/11/2022, 08/12/2022, 27/12/2022. Lần đáo hạn thứ 3 trả được 01 ngày, còn nợ D cả gốc lẫn lãi theo thỏa thuận là 4.800.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền vay và đáo hạn là 16.000.000đ. Chị H12 đã trả cho D 15.200.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 169.227đ, tiền lãi trên 20%/năm là 2.870.773đ, tiền gốc 12.160.000đ. Chị H12 còn nợ gốc 3.840.000đ.

44. Đinh Thị Xuân D1 *(Sinh năm 1965, trú* tổ C, phường A, thị xã A*).* Ngày 11/11/2022, chị D1 vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 24%/tháng (tương ứng 288%/năm), trả gốc và lãi 200.000 đồng/ngày trong 31 ngày. Chị D1 đã trả cho D 6.200.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 86.283đ, tiền lãi trên 20%/năm là 1.113.717đ, tiền gốc 5.000.000đ.

45. Lê Thị T11 *(Sinh năm 1984, trú* tổ F, phường A, thị xã A*).* Ngày 30/9/2022, chị T11 vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 24%/tháng (tương ứng 288%/năm), trả gốc và lãi 200.000 đồng/ngày trong 31 ngày. Ngày 18/10/2022, chị T11 đáo hạn 01 lần khoản vay. Ngày 31/10/2022, chị T11 xin đáo hạn và nâng khoản vay lên 8.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng (tương ứng 360%/năm), trả gốc và lãi 400.000 đồng/ngày trong 25 ngày. Chị T11 đáo hạn 02 lần khoản vay 8.000.000đ vào ngày 19/11/2022 và ngày 13/12/2022. Lần đáo hạn thứ 2 trả được 14 ngày, còn nợ D cả gốc lẫn lãi theo thỏa thuận 4.400.000 đồng. Tổng số tiền chị T11 vay và đáo hạn là 34.000.000đ, chị T11 đã trả cho D 38.000.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 457.580đ, tiền lãi trên 20%/năm là 7.062.420đ, tiền gốc 30.480.000đ, chị T11 còn nợ gốc 3.520.000đ.

46. Lê Thị X *(tên thường gọi là* N4*, sinh năm 1987, trú* thôn E, xã T, thị xã A*)*. Ngày 13/12/2022, chị X vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 30%/tháng (tương ứng 360%/năm), trả gốc và lãi 250.000 đồng/ngày trong 25 ngày. Chị X đã trả được 14 ngày, còn nợ D cả gốc lẫn lãi theo thỏa thuận 2.750.000 đồng. Như vậy, số tiền chị X đã trả cho D là 3.500.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 38.967đ, tiền lãi trên 20%/năm là 661.033đ, tiền gốc 2.800.000đ. Chị X còn nợ gốc 2.200.000đ

47. Nguyễn Thị Dạ T12 *(Sinh năm 1980, trú* tổ A, phường T, thị xã A*)*. Ngày 05/7/2021, chị T12 vay 7.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 25%/tháng (tương ứng 300%/năm), trả gốc và lãi 300.000 đồng/ngày trong 29 ngày. Chị T12 đã trả đầy đủ theo thỏa thuận số tiền 8.700.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống 113.003đ, tiền lãi trên 20%/năm là 1.586.997đ, tiền gốc 7.000.000đ.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ năm 2021 đến tháng 12/2022, Nguyễn Văn D đã cho 47 người trên địa bàn thị xã A, huyện Đ, K và Mang Y vay tổng số tiền cho vay **2.042.000.000đ** *(hai tỷ không trăm bốn mươi hai triệu đồng)*, với lãi suất từ 240% đến 420%/năm. Người vay đã trả cho D 2.214.900.000đ, gồm số tiền lãi từ 20%/năm trở xuống là 29.358.280đ, tiền lãi trên 20%/năm là 402.630.455đ, tiền gốc 1.782.911.265đ. Tổng số tiền nợ gốc người vay chưa trả cho D 259.088.735đ. Như vậy, Nguyễn Văn D cho 47 người vay thu lợi bất chính số tiền 402.630.455đ *(bốn trăm lẻ hai triệu sáu trăm ba mươi ngàn bốn trăm năm mươi lăm đồng)*.

Ngoài ra, quá trình điều tra, Nguyễn Văn D khai nhận với hình thức như trên, D còn cho một số người vay tiền với lãi suất cao như sau:

1. Anh L5 (không xác định được nhân thân, lai lịch): Ngày 03/9/2022, anh L5 vay của D số tiền 3.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 30%/tháng (tương ứng 360%/năm), trả gốc và lãi 150.000đ/ngày trong 25 ngày. Anh L5 đã trả được 13 ngày, số tiền 1.950.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống là 21.710đ, tiền lãi trên 20%/năm là 368.290đ, tiền gốc là 1.560.000đ. Anh L5 còn nợ gốc 1.440.000đ.

2. Chị H (bán bánh mì ở chợ C1, không xác định được lai lịch): Ngày 09/9/2022, chị H vay của D 3.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 35%/tháng (tương ứng 420%/năm), trả gốc và lãi 150.000đ/ngày trong 26 ngày. Chị H 06 lần đáo hạn khoản vay vào các ngày 27/9/2022, 09/10/2022, 21/10/2022, 03/11/2022, 12/12/2022, 24/12/2022. Lần đáo hạn cuối trả được 3 ngày, còn nợ D cả gốc và lãi 3.450.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền chị H vay và đáo hạn là 21.000.000đ. Chị H đã trả cho D 23.850.000đ, gồm tiền lãi từ 20%/năm trở xuống là 265.530đ, tiền lãi trên 20%/năm là 5.238.316đ, tiền gốc là 18.346.154đ. Chị H còn nợ gốc 2.653.846đ.

Trên cơ sở lời khai của Nguyễn Văn D, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã tiến hành điều tra xác minh nhưng không xác định được nhân thân, lai lịch, địa chỉ, số điện thoại của người vay tên L5 và H theo khai nhận. Ngoài lời

khai của D không còn chứng cứ nào khác chứng minh việc người có tên L5 và H vay tiền như lời khai của D. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A tiếp tục xác minh các trường hợp này, khi đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

2. Giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 52/2023 HSST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*".

Áp dụng khoản 2 Điều 201; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 24 tháng, kể từ ngày tuyên án 22/9/2023.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T, thị xã A giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo vi phạm nghĩa vụ của người hưởng án treo từ 02 lần trở lên theo quy định tại Điều 100 Luật thi hành án hình sự thì có thể bị Tòa án quyết định buộc chấp hành hình phạt tù theo bản án đã cho người đó hưởng án treo.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

3. Kháng cáo, kháng nghị:

- Bị cáo không kháng cáo;

- Ngày 19/10/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai kháng nghị bản án hình sự sơ thẩm số 52/2023/HSST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã An Khê. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn D và không cho hưởng án treo.

4. Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm:

-Đại diện viện kiểm sát tỉnh Gia Lai rút một phần kháng nghị về nội dung không cho hưởng án treo, giữ nguyên kháng nghị áp dụng tình tiết tăng nặng và tăng hình phạt đối với bị cáo.

- Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và nội dung bản án sơ thẩm, không có ý kiến gì về nội dung kháng nghị. Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét tại phiên toà, Kiểm sát viên rút một phần kháng nghị đối với nội dung không cho bị cáo hưởng án treo. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung này và tiếp tục xem xét phần có kháng nghị còn lại.

[2] Về kháng nghị của Viện kiểm sát tỉnh Gia Lai:

Trong khoảng thời gian từ năm 2021 đến tháng 12/2022, Nguyễn Văn D đã cho 47 người dân trên địa bàn thị xã A, huyện Đ, huyện K và huyện M vay với tổng số tiền 2.042.000.000 đồng lãi suất từ 240% đến 420%/năm, cao hơn mức lãi suất cao nhất 12 đến 21 lần theo quy định của Bộ luật Dân sự và thu lợi bất chính với số tiền là 402.630.455 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Văn D tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội.

Trong số 47 người vay tiền của bị cáo thì có 03 trường hợp bị cáo thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng trở lên, áp dụng Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 20 tháng 12 năm 2021 hướng dẫn Điều 201 Bộ luật hình sự về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" thì hành vi này thuộc trường hợp bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự này. Do đó, Toà án cấp phúc thẩm áp dụng thêm tình tiết tăng nặng nêu trên cho bị cáo. Cũng do bị áp dụng tình tiết tăng nặng nên cần tăng hình phạt đối với bị cáo mới tương xứng tính chất, mức độ hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện.

Từ các phân tích trên cho thấy kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai là có căn cứ. Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự, chấp nhận kháng nghị, sửa bản án sơ thẩm, áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội 02 lần trở lên" theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự và tăng hình phạt đối với bị cáo.

Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 342 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đối với nội dung không cho bị cáo hưởng án treo.

2. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 52/2023/HSST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai về phần hình phạt.

Áp dụng khoản 2 Điều 201; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D **18** (mười tám) tháng tù về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là **36** (ba mươi sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 22/9/2023.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T, thị xã A giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường T, thị xã A giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

3. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12 /2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án: bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND thị xã An Khê;
- VKSND thị xã An Khê;
- Công an thị xã An Khê;
- Chi cục THADS thị xã An Khê;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Hồng